

SỞ Y TẾ TỈNH HUNG YÊN  
TRUNG TÂM  
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:21 /GM-KSBT

Hung Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2025

V/v Mời chào giá cung cấp dịch vụ hiệu  
chuẩn Trang thiết bị, trang thiết bị y tế

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị/ các Công ty cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, bảo dưỡng.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn Trang thiết bị, Trang thiết bị Y tế với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.  
2. Tên dự toán: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn Trang thiết bị, Trang thiết bị Y tế tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

3. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bùi Thị Min, Thành viên Hội đồng mua sắm. ĐT: 0942328665.

4. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Số 113 đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên.

- Nhận qua email: [hdms.cdctb@gmail.com](mailto:hdms.cdctb@gmail.com) và hệ thống đấu thầu quốc gia tại địa chỉ <https://muasamcong.mpi.gov.vn/>.

5. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Từ 10h00 ngày 13/8/2025 đến trước 16h00 ngày 19/8/2025.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

6. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

- Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 19/8/2025.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục mời chào giá cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn Trang thiết bị, trang thiết bị y tế đính kèm tại phụ lục 1. Giá báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các loại chi phí khác nếu có.

2. Địa điểm thực hiện: tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; Số 113 đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên.

3. Thời gian thực hiện dự kiến: năm 2025.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Sau khi hai bên thương thảo thống nhất thực hiện hợp đồng.



5. Các thông tin khác (nếu có): Không

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật kính mời đại diện các đơn vị gửi bản báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐMS.



**Nguyễn Văn Đức**





## PHỤ LỤC 01: DANH MỤC DỊCH VỤ

(Kèm theo giấy mời số 21/GM-KSBT ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)

| TT  | Danh mục dịch vụ<br>hiệu chuẩn Trang thiết bị,<br>trang thiết bị y tế | Yêu cầu thực hiện                                                                                                                    | Khối<br>lượng | Đơn vị<br>tính | Địa điểm<br>thực hiện<br>dịch vụ |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------|----------------------------------|
| 1.  | Máy đo pH                                                             | 3 điểm 4,7,9                                                                                                                         | 01            | Chiếc          | Bộ phận<br>Hóa lý                |
| 2.  | Tủ sấy                                                                | Hiệu chuẩn(9 vị trí của tủ) tại 105±2 <sup>0</sup> c, 130 °C, 180°C                                                                  | 01            | Chiếc          |                                  |
| 3.  | Cân điện tử 4 số 0                                                    | Hiệu chuẩn và hiệu chỉnh tại 15 tải: (0; 10; 30; 50; 100; 300; 500)mg và (1; 3; 5; 10; 30; 50; 100; 200; 210)g                       | 01            | Chiếc          |                                  |
| 4.  | Cân điện tử 2 số 0                                                    | - Hiệu chuẩn kết hợp hiệu hiệu chỉnh tại 15 mức tải:<br>(0;10; 30; 50; 100; 300; 500)mg và (1;3; 5; 10; 25;<br>30;50;100; 200; 220g) | 01            | Chiếc          |                                  |
| 5.  | Máy UV-VIS                                                            | Bước sóng 690, 307, 262,415,350,655,510 nm<br>độ lặp lại, độ phân giải, tính tuyến tính                                              | 01            | Chiếc          |                                  |
| 6.  | Máy UV-VIS                                                            | Bước sóng 420,490,540,262,690 nm<br>độ lặp lại, độ phân giải, tính tuyến tính                                                        | 01            | Chiếc          |                                  |
| 7.  | Nhiệt kế điện tử dầu dò                                               | Nhiệt độ hiệu chuẩn: (0; 4; 20; 25; 30; 102; 105; 180)°C                                                                             | 01            | Chiếc          |                                  |
| 8.  | Tỷ trọng kế                                                           | Các điểm (1,000; 0.9638; 0.9697; 0.9927;0.9970; 0.7905)<br>Hoặc Độ cồn (0; 0,6;2;5;25;30)%                                           | 01            | Chiếc          |                                  |
| 9.  | Máy đo độ đục                                                         | H/C 0,1 ; 1,0; 2,0 ; 20; 200 NTU                                                                                                     | 01            | Chiếc          |                                  |
| 10. | Buret 25 ± 0,05 mL                                                    | Dung tích hiệu chuẩn: (0,05; 0,1; 0,2; 1; 2;5;10; 25) ml                                                                             | 01            | Chiếc          |                                  |
| 11. | Nhiệt ẩm kế                                                           | Nhiệt độ hiệu chuẩn: (15; 25; 35)°C;<br>Độ ẩm hiệu chuẩn: (30; 55; 80)%RH                                                            | 07            | Chiếc          |                                  |
| 12. | Pipet man 50-200μl                                                    | Dung tích hiệu chuẩn (50; 100; 200;)μl                                                                                               | 01            | Chiếc          |                                  |
| 13. | Pipet man 100-1000μl                                                  | Dung tích hiệu chuẩn (100; 200; 500; 1000)μl                                                                                         | 02            | Chiếc          |                                  |
| 14. | Pipet man 500-5000μl                                                  | Dung tích hiệu chuẩn (500; 2000, 5000;)μl                                                                                            | 01            | Chiếc          |                                  |
| 15. | Máy đo clo dư                                                         | Khoảng hiệu chuẩn: 0,15; 0,2; 0,5;1;5 mg/L                                                                                           | 02            | Chiếc          |                                  |



| TT  | Danh mục dịch vụ<br>hiệu chuẩn Trang thiết bị,<br>trang thiết bị y tế | Yêu cầu thực hiện                                                                                                                                                                                                               | Khối<br>lượng | Đơn vị<br>tính | Địa điểm<br>thực hiện<br>dịch vụ |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------|----------------------------------|
| 16. | Máy đo florua                                                         | Khoảng hiệu chuẩn: 0,3 ; 1 ; 1,5 mg/L                                                                                                                                                                                           | 01            | Chiếc          |                                  |
| 17. | Bể điều nhiệt                                                         | Nhiệt độ hiệu chuẩn: 96 - 98 °C                                                                                                                                                                                                 | 01            | Chiếc          |                                  |
| 18. | Micropipet (1 ÷ 10) mL                                                | Dung tích hiệu chuẩn: (1; 5; 9; 10)mL<br>(Sai số hệ thống : < 0.8%)                                                                                                                                                             | 01            | Chiếc          | Bộ phận Vi<br>sinh               |
| 19. | Micropipet (100 ÷ 1000) µL                                            | Dung tích hiệu chuẩn: (100 ; 1000) µL<br>(Sai số hệ thống < 0.8%)                                                                                                                                                               | 01            | Chiếc          |                                  |
| 20. | Nhiệt ẩm kế<br>TH 600 B                                               | Hiệu chuẩn trong dải đo :<br>- độ ẩm : 30%, 45% , 75%<br>- nhiệt độ : 18°C , 27°C , 30°C<br>Số hiệu chính nhiệt độ < 1°C , độ ẩm < 10% RH                                                                                       | 03            | Chiếc          |                                  |
| 21. | Nhiệt kế thủy tinh                                                    | Hiệu chuẩn ở các nhiệt độ (25,30,37,41,43,44,47,80) <sup>0</sup> C<br>(độ KĐBĐ < 0.3 <sup>0</sup> C)                                                                                                                            | 01            | Chiếc          |                                  |
| 22. | Nồi hấp tiệt trùng Tomy SS-325                                        | - Nhiệt độ hiệu chuẩn: (121 ± 1) <sup>0</sup> C<br>- Có sơ đồ các điểm đo<br>- Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong nồi;<br>- Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại khi nhiệt độ trong nồi sai lệch<br>nhiều.<br>(ĐKĐBĐ±3 <sup>0</sup> C) | 01            | Chiếc          |                                  |
| 23. | Tủ âm<br>IN110-D4170566                                               | - Hiệu chuẩn tại 9 điểm tại nhiệt độ 44 <sup>0</sup> C<br>- Có sơ đồ các điểm đo.<br>(ĐKĐBĐ±0.5 <sup>0</sup> C)                                                                                                                 | 01            | Chiếc          |                                  |
| 24. | Tủ âm<br>IN110-D4170751                                               | - Hiệu chuẩn tại 9 điểm tại nhiệt độ 30 <sup>0</sup> C<br>- Có sơ đồ các điểm đo.<br>(ĐKĐBĐ±0.5 <sup>0</sup> C)                                                                                                                 | 01            | Chiếc          |                                  |

| TT  | Danh mục dịch vụ<br>hiệu chuẩn Trang thiết bị,<br>trang thiết bị y tế | Yêu cầu thực hiện                                                                                                                                                                                     | Khối<br>lượng | Đơn vị<br>tính | Địa điểm<br>thực hiện<br>dịch vụ |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------|----------------------------------|
| 25. | Tủ ẩm<br>IN110-D4130351                                               | -Hiệu chuẩn tại 9 điểm tại nhiệt độ 25 <sup>0</sup> C<br>- Có sơ đồ các điểm đo.<br>(ĐKĐBĐ±0.5 <sup>0</sup> C)                                                                                        | 01            | Chiếc          |                                  |
| 26. | Tủ ẩm<br>IN110-D4130352                                               | - Hiệu chuẩn tại 9 điểm tại nhiệt độ 37 <sup>0</sup> C<br>- Có sơ đồ các điểm đo.<br>(ĐKĐBĐ±0.5 <sup>0</sup> C)                                                                                       | 01            | Chiếc          |                                  |
| 27. | Tủ sấy<br>UNE 500-C5100567                                            | - Hiệu chuẩn tại 9 điểm ở nhiệt độ<br>- Có sơ đồ các điểm đo.<br>(ĐKĐBĐ±5 <sup>0</sup> C))                                                                                                            | 01            | Chiếc          |                                  |
| 28. | Bể điều nhiệt<br>W14M-2-<br>12040907                                  | - Hiệu chuẩn tại 41 <sup>0</sup> C, 43 <sup>0</sup> C, 47 <sup>0</sup> C,<br>- Có sơ đồ các điểm đo.<br>(ĐKĐBĐ ±0.5 <sup>0</sup> C)                                                                   | 01            | Chiếc          |                                  |
| 29. | Tủ an toàn sinh học                                                   | Thử nghiệm các chỉ tiêu:<br>- Dòng khí hút vào tủ<br>- Dòng khí thổi xuống bề mặt làm việc<br>- Độ rọi ánh sáng bề mặt làm việc<br>- Cường độ ánh sáng tím UV<br>- Độ ồn<br>- Hiệu suất màng lọc HEPA | 02            | Chiếc          |                                  |
| 30. | Cân phân tích 4 số 0<br>AUW220-D449213006                             | - Hiệu chuẩn tại 10g, 25g, 200g, 220g<br>- Có sơ đồ các điểm đo<br>(ĐKĐBĐ±0.5g)                                                                                                                       | 01            | Chiếc          |                                  |
| 31. | Tủ lạnh âm 32 <sup>0</sup> C                                          | Nhiệt độ hiệu chuẩn : -25 <sup>0</sup> C, -32 <sup>0</sup> C                                                                                                                                          | 02            | Chiếc          |                                  |
| 32. | Pipetman (01 – 10 )μl                                                 | Dung tích hiệu chuẩn: (05; 10) μl                                                                                                                                                                     | 01            | Chiếc          |                                  |
| 33. | Pipetman (10-100)μl                                                   | Dung tích hiệu chuẩn: (10; 50; 100) μl                                                                                                                                                                | 01            | Chiếc          |                                  |

| TT  | Danh mục dịch vụ<br>hiệu chuẩn Trang thiết bị,<br>trang thiết bị y tế | Yêu cầu thực hiện                                                                          | Khối<br>lượng | Đơn vị<br>tính | Địa điểm<br>thực hiện<br>dịch vụ |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------|----------------------------------|
| 34. | Pipetman (100 – 1000)µl                                               | Dung tích hiệu chuẩn: (100,500,1000) µl                                                    | 01            | Chiếc          | Phòng sinh<br>học phân tử        |
| 35. | Nhiệt kế                                                              | Nhiệt độ hiệu chuẩn : ( 2-8) °C                                                            | 01            | Chiếc          |                                  |
| 36. | Máy ly tâm                                                            | Hiệu chuẩn số vòng quay của roto và lực ly tâm của máy                                     | 01            | Chiếc          |                                  |
| 37. | Tủ An toàn sinh học LA2-5A1                                           | Độ đồng đều, Bộ lọc Hepa, Tn bảo vệ người, TN bảo vệ mẫu...                                | 01            | Chiếc          |                                  |
| 38. | Micropipet                                                            | Dung tích hiệu chuẩn: (100,500,1000)mL                                                     | 01            | Chiếc          | Phòng sinh<br>hóa                |
| 39. | Micropipet                                                            | Dung tích hiệu chuẩn: (10; 50; 100)mL                                                      | 01            | Chiếc          |                                  |
| 40. | Máy ly tâm                                                            | - Hiệu chuẩn số vòng quay của roto và lực ly tâm của máy<br>Số vòng quay: 3000, 3500, 4000 | 01            | Chiếc          |                                  |
| 41. | Máy ly tâm                                                            | Hiệu chuẩn số vòng quay của roto và lực ly tâm của máy<br>Số vòng quay: 3000, 4000, 5000   | 01            | Chiếc          |                                  |
| 42. | Nhiệt ẩm kế                                                           | Nhiệt độ hiệu chuẩn: (15; 25; 35)°C<br>Độ ẩm hiệu chuẩn: (30; 55; 80) %RH                  | 03            | Chiếc          |                                  |
| 43. | Nhiệt kế thủy ngân                                                    | Nhiệt độ hiệu chuẩn : ( -15, -20, -25) °C                                                  | 01            | Chiếc          |                                  |
| 44. | Nhiệt kế thủy ngân                                                    | Nhiệt độ hiệu chuẩn : ( 2, 4, 8) °C                                                        | 02            | Chiếc          | Bộ phận<br>kho                   |
| 45. | Nhiệt ẩm kế Tanita                                                    | Nhiệt độ hiệu chuẩn: (15; 25; 35)°C;<br>Độ ẩm hiệu chuẩn: (30; 55; 80)%RH                  | 02            | Chiếc          |                                  |
| 46. | Nhiệt ẩm kế tự ghi Elitech                                            | Nhiệt độ hiệu chuẩn : (-40; 0; 40; 85) °C<br>Độ ẩm hiệu chuẩn: (10; 40; 90) %              | 02            | Chiếc          |                                  |





## PHỤ LỤC 2. MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 21 /GM-KSBT ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc.

### BẢNG BÁO GIÁ

**Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hưng yên**

Công ty..... có địa chỉ tại....., số đăng ký kinh doanh...được cấp bởi...

Trên cơ sở thông báo mời báo giá ngày.....tháng....năm.....của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và khả năng cung ứng của công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý Cơ quan Báo giá các dịch vụ như sau:

1. Báo giá có các thiết bị và dịch vụ liên quan

| STT | Tên/model thiết bị | Nội dung hiệu chuẩn, thử nghiệm | Đơn vị tính | Số lượng/ khối lượng | Đơn giá (VND) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế phí nếu có (VND) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|--------------------|---------------------------------|-------------|----------------------|---------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------|
| 1   |                    |                                 |             |                      |               |                                                          |                                  |                  |
| 2   |                    |                                 |             |                      |               |                                                          |                                  |                  |
| n   | ...                |                                 |             |                      |               |                                                          |                                  |                  |

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 5 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực, nếu sai chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày...tháng...năm 2025

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY**

*(Ký tên, đóng dấu)*